TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-PT
Ngày 03 – 4 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương– Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Hà Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hà Văn T; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1990 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn K4, sinh năm 1959 và bà: Hoàng Thị T5, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam ngày 13/12/2016 đến ngày 05/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

2. Hà Văn B; sinh ngày 22 tháng 6 năm 1988 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn K4, sinh năm 1959 và bà: Hoàng Thị T5, sinh năm 1960; có vợ là Lê Thị H6, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam ngày 07/12/2016 đến ngày 05/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Hoàng Văn P; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Tr, sinh năm 1974 và bà: Lý Thị T6, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam ngày 07/12/2016 đến ngày 05/4/2017 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh, hiện tại ngoại, có mặt.

4. Hà Văn L; sinh ngày 17 tháng 01 năm 1998 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn T7, sinh năm 1964 và bà: Phạm Thị T8, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam từ ngày 23/5/2017 đến nay, có mặt.

5. Lý Văn T1; sinh ngày 15 tháng 02 năm 1997 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn Ng (Đã chết) và bà: Vi Thị V, sinh năm 1970; có vợ Luân Thị Nh, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

6. Hoàng Văn M; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1971 và bà: Lý Thị H8, sinh năm 1972; có vợ Lộc Thị L6, sinh năm 2000, chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 21/3/2013, bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

7. Lành Văn N; sinh ngày 19 tháng 01 năm 1995 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lành Văn C4 (Đã chết) và bà: Lý Thị T8, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

8. Hoàng Văn G; sinh ngày 01 tháng 12 năm 1998 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Sl, sinh năm 1972 và bà: Hoàng Thị Th5, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

9. Hoàng Văn S; sinh ngày 11 tháng 9 năm 1997 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn X1, sinh năm 1971(Đã chết) và bà: Mai Thị V1, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Ngày 02/01/2015, bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản (Ngày 13/02/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt); tiền án: Không; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt.

10. Vi Văn K; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1999 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A1, xã K2, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T7, sinh năm 1970 và bà: Hà Thị N7, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt giam ngày 29/6/2017 đến ngày 23/8/2017 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lĩnh, hiện tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị là Hoàng Văn B1 và Nông Văn B3.

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Trần Thu N1 - Luật sư Văn phòng Luật sư V và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội là người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn B, Hà Văn T, Hà Văn L, Vi Văn K, Lý Văn T1, Hoàng Văn P; có mặt.

2. Ông Đinh Công T2 - Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn là người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn L1 - Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Là người bào chữa cho bị cáo Hà Văn B; có mặt.

4. Bà Chu Bích T3 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn S, Hà Văn L, có mặt.

5. Ông Lương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn G, Lành Văn N, vắng mặt có lý do, có gửi luận cứ bào chữa.

Bị hại:

1. Bà Đinh Thị B1, sinh năm 1971, vắng mặt.

2. Anh Nông Văn H4, sinh năm 1993, vắng mặt.

3. Anh Hà Văn M4, sinh năm 1998, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn I, xã Y, huyện D, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn với Nông Văn H4 và Hà Văn M4 nên khoảng 15 giờ ngày 09/02/2016, Hà Văn L, Hà Văn T đã rủ thêm Hà Văn B, Hoàng Văn P, Lý Văn T1,

Hoàng Văn S, Nông Văn B3, Hoàng Văn G, Lành Văn N, Hoàng Văn M, Vi Văn K, Hoàng Văn B1, Hoàng Văn C1, Lành Văn H5, Lành Văn B2 cùng lên Thôn I, xã Y, huyện D, tỉnh Lạng Sơn để tìm Nông Văn H4, Hà Văn M4 đánh trả thù. Khi đến nhà Hoàng Văn N2 ở cùng thôn thì Hà Văn L đã nói rõ việc đi tìm Nông Văn H4, Hà Văn M4 để đánh trả thù, mọi người đều đồng ý theo ý kiến của Hà Văn L đưa ra. Khoảng 15 giờ 30 phút cả nhóm cùng nhau đi xe mô tô đến Thôn I, xã Y, huyện D, tỉnh Lạng Sơn trên đường đi thấy một đống củi cạnh đường, Hà Văn L đã bảo Vi Văn K dừng lại để cả nhóm lấy gậy gỗ làm hung khí. Khi đi đến đầu Thôn I, xã Y, huyện D, tỉnh Lạng Sơn, Hà Văn L đã cùng Vi Văn K, Lý Văn T1 lên đồi tìm điện thoại và 01 con dao tối hôm trước do bị Nông Văn H4, Hà Văn M4 đánh nên đã làm rơi trên đồi nhưng chỉ tìm thấy con dao và Hà Văn L đã cầm con dao làm hung khí, riêng Hà Văn B cầm rìu mang sẵn đi từ ở nhà. Khi đến gần nhà Nông Văn H4 thì Hoàng Văn C1, Lành Văn B2, Lành Văn H5 đã tự ý nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội, không tham gia lên nhà đánh nhau mà đứng dưới đường cách nhà khoảng 60 m. Mọi người còn lại lao vào nhà thấy Nông Văn H4, Hà Văn M4, Hoàng Văn V, Lộc Văn D1, Nông Văn B3 đang uống rượu trong nhà. Bà Đinh Thị B1 thấy vậy chạy vào nhà đóng cửa lại nhưng bị Hà Văn B cầm tay kéo ra. Sau đó cả nhóm cùng nhau lao vào trong nhà, thấy nhiều người vào trong nhà nên Nông Văn B3, Vi Văn K, Hoàng Văn S không vào nhà mà cầm gậy đứng ở ngoài sân với mục đích thấy ai chạy ra thì đánh. Khi vào nhà Hà Văn L quát mọi người trong nhà, còn các bị cáo khác lao vào đánh mọi người. Do quen biết với Lộc Văn D1 nên Hà Văn L đuổi Lộc Văn D1 ra khỏi nhà; Hoàng Văn V, Nông Văn B3 chạy ra khỏi nhà thì bị Hoàng Văn M dùng gậy đập vào lưng; Nông Văn B4, Hoàng Văn S ở ngoài sân cầm và ném gậy đuổi theo sau nhưng không kịp. Ở trong nhà bị cáo Hà Văn B vung rìu chém vào đầu Nông Văn H4; Hoàng Văn P cầm gậy đập trúng đầu Nông Văn H4; Lý Văn T1 cầm gậy lao vào đánh Nông Văn H4, bà Đinh Thị B1 chạy ra căn ngăn thì bị Hà Văn T dùng gậy đánh trúng vào trán và trượt xuống phần sống mũi. Lúc này Hà Văn L đang dùng dao chém Hà Văn M4 vào lưng và sườn trái, cùng lúc đó các bị cáo khác cầm gậy lao vào đánh Hà Văn M4, Hà Văn L quay sang chém trúng lưng và sườn trái của Nông Văn H4. Lúc này Hà Văn M4 chạy lên giường kéo chăn đắp thì bị Hà Văn B lao đến kéo chăn ra dùng rìu đánh vào vai và sườn trái của Hà Văn M4. Khi thấy Nông Văn H4 bị đánh ngã xuống sàn nhà thì cả bọn bỏ chạy ra khỏi nhà rồi cùng nhau đi về thôn G1, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Bản Kết luận giám định số 92/2016/TgT, ngày 25/4/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Hà Văn M4 là 11 %.

Tại Bản Kết luận giám định số 93/2016/TgT, ngày 25/4/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nông Văn B3 là 0 %.

Tại Bản Kết luận giám định số 94/2016/TgT, ngày 25/4/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đinh Thị B1 là 06 %.

Tại Bản Kết luận giám định số 95/2016/TgT, ngày 25/4/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nông Văn H4 là 5 %.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Hà Văn B, Hà Văn T, Hoàng Văn P, Hà Văn L, Lý Văn T1, Hoàng Văn S, Nông Văn B3,

Hoàng Văn G, Lành Văn N, Hoàng Văn M, Vi Văn K và Hoàng Văn B1 phạm tội Cố ý gây thương tích.

Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, 20, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Hà Văn L 21 tháng tù; Hà Văn T 21 tháng tù; Hà Văn B 18 tháng tù; Hoàng Văn P 17 tháng tù; Lý Văn T1 16 tháng tù; Lành Văn N 16 tháng tù; Hoàng Văn M 16 tháng tù; Hoàng Văn S 14 tháng tù;

Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, 20, 53, 68, 69, 74 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Hoàng Văn G 10 tháng tù; Vi Văn K 10 (mười) tháng tù.

Trong vụ án còn có bị cáo Nông Văn B3 bị xử phạt 15 tháng tù, được tổng hợp với bản án trước thành 05 năm 3 tháng tù giam; bị cáo Hoàng Văn B1 12 tháng tù giam. Hai bị cáo này không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Lành Văn N, Hoàng Văn S, Hoàng Văn G, Hoàng Văn M, Hoàng Văn P, Lý Văn T1, Hà Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo Vi Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bằng thời hạn đã tạm giam. Bị cáo Hà Văn T, Hà Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn S chỉ xin giảm nhẹ hình phạt tù; bị cáo Vi Văn K xin được hưởng án treo; còn các bị cáo khác giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng nguyên nhân của vụ án cũng do một phần lỗi của người bị hại Nông Văn H4 và Hà Văn M4 do trước đó đã vô cớ đánh Hà Văn L và Hà Văn T; mặt khác sau vụ án xảy ra giữa các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận làm giảm đi tính chất phức tạp của vụ án, thương tích do các bị cáo gây ra cho các bị hại không phải nghiêm trọng cho nên về phía các bị hại đã có sự chia sẻ và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đây là vụ án có đồng phạm giản đơn các bị cáo có vai trò tham gia khác nhau bị cáo Hà Văn T và Hà Văn L tuy là người phải chịu trách nhiệm chính, nhưng cũng chỉ dừng ở mức độ nhất định, còn các bị cáo khác chỉ vai trò thứ yếu, tham gia ở mức độ nhất định; từ đó vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự xử sửa án sơ thẩm cụ thể:

1- Xử phạt bị cáo Hà Văn L và Hà Văn T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù giam;

2- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 8 đến 9 tháng tù giam;

3- Giữ nguyên hình phạt tù của các bị cáo còn lại nhưng chuyển cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định;

Người bào chữa cho các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận khác, chỉ đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo được hưởng mức án thấp hơn vị đại

diện Viện kiểm sát đề nghị và có xem xét đến hình phạt của các bị cáo không có kháng cáo kháng nghị theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo đó.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, kết luận giám định pháp y về thương tích và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ để kết luận: Xuất phát từ tối ngày 08/02/3016, trong khi đi chơi tại G1, xã Y thì Hà Văn T và Hà Văn L bị nhóm Nông Văn H4 và Hà Văn M4 đánh bị thương và bị mất tài sản, nên khoảng 16 giờ ngày 09 tháng 02 năm 2016, các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn L, đã rủ Hoàng Văn P, Hà Văn B, Lý Văn T1, Hoàng Văn S, Nông Văn B3, Hoàng Văn G, Lành Văn N, Hoàng Văn M, Vi Văn K và Hoàng Văn B1 đến nhà bà Đinh Thị B1 ở Thôn I, xã Y, huyện D, tỉnh Lạng Sơn để tìm đánh Nông Văn H4 và Hà Văn M4 để trả thù và các bị cáo đã có hành vi dùng dao, rìu sắt, gậy gỗ gây thương tích cho Hà Văn M4, Đinh Thị B1, Nông Văn H4. Mức độ tổn thương cơ thể của Hà Văn M4 là 11 %, của Đinh Thị B1 là 06 %, của Nông Văn H4 là 5%; với hành vi dùng dao, rìu sắt, gậy gỗ gây thương tích cho bà Đinh Thị B1, Nông Văn H4, Hà Văn M4 của các bị cáo thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan; nên các bị cáo không kháng cáo về phần tội danh, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hà Văn L, Hà Văn T, Hoàng Văn S, Hoàng Văn M xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của Hoàng Văn S, Hoàng Văn M, thấy:

[3] Nguyên nhân xảy ra vụ việc là do tối ngày 08/02/3016, trong khi đi chơi tại G1, xã Y thì Hà Văn T và Hà Văn L bị nhóm Nông Văn H4 và Hà Văn M4 đánh bị thương và bị mất tài sản nên ngày 09 tháng 02 năm 2016, Hà Văn L cùng Hà Văn T lại rủ thêm nhiều người đi đến tận nhà Nông Văn H4 để đánh trả thù, gây thương tích cho Hà Văn M4, Đinh Thị B1, Nông Văn H4. Bị cáo Hà Văn L cầm dao chém nhiều nhát vào Nông Văn H4 và Hà Văn M4 gây lên thương tích cho hai người này. Bị cáo Hà Văn T là người dùng gậy đánh nhiều người và chính là người gây ra thương tích cho bà Đinh Thị B1. Hai bị cáo là người khởi xướng, đóng vai trò chính trong vụ án; các bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn M là những người tích cực tham gia và có nhân thân không tốt đã từng bị cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau và hủy hoại tài sản; sau khi gây án, các bị cáo đã có sự thỏa thuận bồi thường cho các bị hại, cho nên bản án sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để quyết định mức án phạt là có căn cứ. Sau xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình có khó khăn, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và đã thực sự ăn năn hối cải bằng việc làm cụ thể là hòa đồng với người bị hại; tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại vẫn tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho các bị cáo

được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương và cho rằng vụ việc xảy ra không còn mang tính gay gắt, giữa các bị cáo và các bị hại đã thể hiện sự đoàn kết tình làng nghĩa xóm không còn có mâu thuẫn nào. Xét, đây là những tình tiết mới phát sinh, do đó, Hội đồng xét xử cũng nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này để giảm hình phạt như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của Luật sư; về ý kiến xin hưởng án treo của bị cáo Hoàng Văn S, Hoàng Văn M cũng như đã phân tích các bị cáo này không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên tòa không chấp nhận ý kiến này.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo: Lành Văn N, Hoàng Văn G, Hoàng Văn P, Lý Văn T1, Hà Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; thấy: Bị cáo Hà Văn B biết việc Hà Văn T cùng các bị cáo khác đi đánh nhau nhưng không can ngăn mà còn mang rìu sắt từ nhà để đi đánh nhau, bị cáo là người dùng rìu sắt đánh Nông Văn H4 và Hà Văn M4, là người giữ vai trò tích cực, Tuy nhiên, bị cáo là anh trai của bị cáo Hà Văn T, gia đình bị cáo hiện có hai anh em làm trụ cột gia đình, hành vi của bị cáo tuy có nguy hiểm nhưng chỉ gây ra thương tích ở mức độ nhất định cho người bị hại; các bị cáo Lành Văn N, Hoàng Văn G, Hoàng Văn P, Lý Văn T1 với vai trò là đồng phạm giản đơn, giúp sức theo sự rủ rê của bị cáo Hà Văn L, Hà Văn T, tham gia trong vụ án chỉ dừng ở mức độ nhất định nên án sơ thẩm đã ấn định mức án phạt là phù hợp, do đó không có căn cứ để giảm hình phạt cho các bị cáo; nhưng, cũng như đã phân tích nêu trên thì các bị cáo đã tích cực cùng các bị cáo khác có việc làm cụ thể thể hiện sự hòa đồng đối với người bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại vẫn tiếp tục có đơn đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương và cho rằng vụ việc xẩy ra không còn mang tính gay gắt, giữa các bị cáo và các bị hại đã thể hiện sự đoàn kết tình làng nghĩa xóm không còn có mâu thuẫn nào, đây là những tình tiết mới chứng tỏ các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải. Xét, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; không có tình tiết tăng nặng; Căn cứ Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo như ý kiến của kiểm sát viên và của luật sư.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Vi Văn K, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bằng thời hạn đã tạm giam, nhưng tại phiên tòa bị cáo chỉ xin được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo Vi Văn K khi phạm tội là người chưa thành niên, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, chỉ đứng ngoài nhà bị hại Nông Văn H4, cầm gậy trên tay đứng ở ngoài sân với mục đích thấy ai trong nhà chạy ra thì đánh nên án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm, có thêm tình tiết mới như đã nêu trên. Xét, với tính chất hành vi ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, theo Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp

phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo như ý kiến của kiểm sát viên và của luật sư.

[6] Xét, ý kiến của luật sư về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hoàng Văn B1 và Nông Văn B3 là các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị theo khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, thấy rằng bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ của hành vi phạm tội cùng vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên ấn định hình phạt như vậy là phù hợp, không phải nặng; vì vậy cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo này như ý kiến của luật sư.

[7] Việc áp dụng pháp luật; căn cứ nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thì việc áp dụng bộ luật hình sự năm 2015 sẽ gây bất lợi cho các bị cáo bởi mở ra thêm nhiều tình tiết mới nặng hơn để định khung hình phạt, nhưng khung hình phạt của điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với khung hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên chỉ vận dụng tình tiết có lợi của điều luật của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; về án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo của các bị cáo được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hà Văn L, Hà Văn T, Hoàng Văn S, Hoàng Văn M, Lành Văn N, Hoàng Văn G, Hoàng Văn P, Lý Văn T1, Hà Văn B, Vi Văn K; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1.1 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hà Văn L **18** (Mười tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 23/5/2017.

1.2 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hà Văn T **18** (Mười tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2016 đến ngày 05/4/2017.

1.3 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hà Văn B **18** (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích; thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị có có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.4 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P **17** (Mười bẩy) tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích; thời gian thử thách là **34** (Ba mươi tư) tháng, tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị có có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.5 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T1 **16** (Mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích; thời gian thử thách là **32** (Ba mươi hai) tháng, tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị có có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.6 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lành Văn N **16** (Mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích; thời gian thử thách là **32** (ba mươi hai) tháng, tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị có có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.7 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M **12** (mười hai) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.8 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 10 (Mười) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.9 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 68, Điều 69, Điều 74; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn G **10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích. Thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018;

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.10 Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 68, Điều 69, Điều 74; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vi Văn K **10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích. Thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm 03/4/2018;

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K2, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Hà Văn L, Hà Văn T, Hà Văn B, Hoàng Văn P, Lý Văn T1, Hoàng Văn S, Hoàng Văn G, Lành Văn N, Hoàng Văn M, Vi Văn K phải chịu án phí sơ thẩm hình sự là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung công qũy Nhà nước và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 03/4/2018)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình; tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện Lộc Bình; tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình; tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình; tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn